

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH V

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2018/ HNGĐ-ST

Ngày 09 tháng 8 năm 2018

V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Thế Hải

2. Bà Trần Thị Lan Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Khương Thị Phụng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh V tham gia phiên tòa:
Bà Diệp Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về “tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1998 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Ph TT. L, huyện L, tỉnh V;

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 09/4/2018 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kiều O trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào ngày 14/4/2017, trước khi kết hôn anh, chị được tự do tìm hiểu và được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị

trần L. Sau khi tổ chức kết hôn xong, chị về làm dâu và chung sống cùng với gia đình anh T ngay. Quá trình chung sống, ngay từ đầu vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh T còn sử dụng ma túy và anh T có nhiều lần đánh chị. Chị đã phải về ở nhà bố mẹ đẻ 2 lần. Đến tháng 8/2017, vợ chồng ly thân và cắt đứt mọi quan hệ từ đó cho đến nay. Gia đình hai bên không gặp mặt, dàn xếp gì. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị xác nhận không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Qua xác minh tại thị trấn L, huyện L, tỉnh V và gia đình anh T, thấy rằng: Anh T vẫn thường xuyên có mặt tại địa phương thị trấn L. Việc chị O xin ly hôn với anh T thì anh T đã được biết; các lần Tòa án triệu tập, thông báo anh T đến Tòa án để làm việc, giải quyết vụ án thì anh T đã được gia đình thông báo. Ngày 12/6/2018, Tòa án nhân dân huyện L đã thông báo về việc giải quyết vụ án “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” giữa chị O và anh T, nhưng cho đến nay anh T vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng và không thông báo cho Tòa án biết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký, Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị O, cho chị O được ly hôn với anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 09/4/2018, chị Nguyễn Thị Kiều O có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện L giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn T là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị O đều có mặt, còn anh T đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Hôn nhân giữa chị O và anh T là cuộc hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, ngay từ thời gian đầu vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị O và anh T đều còn trẻ, tính tình vợ chồng không hợp nhau, có nhiều ý kiến bất đồng trong cuộc sống. Chị O và anh T đã sống ly thân từ tháng 8/2017 đến nay.

Xét đề nghị xin được ly hôn của chị O Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình cảm vợ chồng giữa chị O và anh T không còn; anh, chị đã ly thân một thời gian dài, nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm giữa hai người; mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân anh T không đến Tòa án để giải quyết vụ án, thể hiện việc anh không có nguyện vọng để vợ chồng về đoàn tụ. Vì vậy, đề nghị của chị O xin được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị O không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị O là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Nguyễn Thị Kiều O được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều O phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0001523 ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Xác nhận chị O đã nộp đủ án phí.

Trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- UBND TT. L;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp